

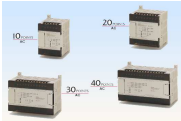
BẢNG GIÁ THIẾT BỊ OMRON THÔNG DỤNG

(Áp dụng từ ngày 01-07-2012 - Giá có thể thay đổi mà không báo trước)(giá chưa bao gồm VAT)

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Bảng giá	Ghi chú
Biến tần loại nhỏ: Công suất 0,1Kw - 7,5Kw, điều khiển dạng V/f, Thuật điều khiển PID, cổng truyền thông - Compact Simplified Inverters				
 	Nguồn cung cấp: 1 hoặc 3 pha 200V, ngõ ra 3 pha 200V			
	3G3JX-A2004	Công suất 0,4Kw - 1/2Hp	4.473.000	
	3G3JX-A2007	Công suất 0,7Kw - 1,0Hp	5.124.000	
	3G3JX-A2015	Công suất 1,5Kw - 2,0Hp	6.468.000	
	3G3JX-A2022	Công suất 2,2Kw - 3,0Hp	7.476.000	
	3G3JX-A2037	Công suất 3,7Kw - 5,0Hp	8.946.000	
	3G3JX-A2055	Công suất 5,5Kw - 7,5Hp	17.031.000	
	3G3JX-A2075	Công suất 7,5Kw - 10Hp	20.895.000	
	Nguồn cung cấp: 3 pha 400V, ngõ ra 3 pha 400V - Compact Simplified Inverters			
	3G3JX-A4004	Công suất 0,4Kw - 1/2Hp	7.098.000	
	3G3JX-A4007	Công suất 0,7Kw - 1,0Hp	7.665.000	
	3G3JX-A4015	Công suất 1,5Kw - 2,0Hp	8.253.000	
	3G3JX-A4022	Công suất 2,2Kw - 3,0Hp	9.912.000	
	3G3JX-A4037	Công suất 3,7Kw - 5,0Hp	11.256.000	
	3G3JX-A4055	Công suất 5,5Kw - 7,5Hp	18.165.000	
	3G3JX-A4075	Công suất 7,5Kw - 10Hp	20.937.000	
Biến tần loại lớn, cao cấp: Công suất 0,4Kw - 400Kw, điều khiển dùng vector control, thuật ĐK PID, lọc nhiễu, phù hợp mọi điều kiện sử dụng				
Nguồn cung cấp: 3 pha 400V, ngõ ra 3 pha 400V - Advanced General -purpose Inverters				
	3G3RX-A4110	Công suất 11Kw - 15,0Hp	31.752.000	
	3G3RX-A4150	Công suất 15Kw - 20,0Hp	37.905.000	
	3G3RX-A4185	Công suất 18,5Kw - 25,0Hp	44.772.000	
	3G3RX-A4220	Công suất 22Kw - 30,0Hp	53.865.000	
Biến tần loại mới, công suất 0,1Kw - 15Kw, Model mix tính năng mạnh, giá kinh tế				
Điều khiển vector dòng, thuật điều khiển PID, moment khởi động lớn 200% ở 0,5Hz, phần mềm hỗ trợ CX-Drive				
 	Nguồn cung cấp: 1 hoặc 3 pha 200V, ngõ ra 3 pha 200V - Multi-funtion Compact Inverter			
	3G3MX2-A2004	Công suất 0,4Kw - 1/2Hp	4.998.000	
	3G3MX2-A2007	Công suất 0,7Kw - 1,0Hp	5.775.000	
	3G3MX2-A2015	Công suất 1,5Kw - 2,0Hp	7.245.000	
	3G3MX2-A2022	Công suất 2,2Kw - 3,0Hp	8.379.000	
	3G3MX2-A2037	Công suất 3,7Kw - 5,0Hp	9.723.000	
	3G3MX2-A2055	Công suất 5,5Kw - 7,5Hp	16.170.000	
	3G3MX2-A2075	Công suất 7,5Kw - 10Hp	19.089.000	
	3G3MX2-A2110	Công suất 11Kw - 15,0Hp	28.161.000	
	3G3MX2-A2150	Công suất 15Kw - 20,0Hp	33.075.000	
	Nguồn cung cấp: 3 pha 400V, ngõ ra 3 pha 400V - Multi-funtion Compact Inverter			
	3G3MX2-A4007	Công suất 0,7Kw - 1,0Hp	8.043.000	
	3G3MX2-A4015	Công suất 1,5Kw - 2,0Hp	9.114.000	
	3G3MX2-A4022	Công suất 2,2Kw - 3,0Hp	10.248.000	
	3G3MX2-A4040	Công suất 4,0Kw - 5,5Hp	11.907.000	
	3G3MX2-A4055	Công suất 5,5Kw - 7,5Hp	16.317.000	
	3G3MX2-A4075	Công suất 7,5Kw - 10Hp	17.934.000	
	3G3MX2-A40110	Công suất 11Kw - 15,0Hp	29.463.000	
	3G3MX2-A40150	Công suất 15Kw - 20,0Hp	35.175.000	
Bộ điều khiển mức nước dùng điện cực				
 	61F-G-AP AC110/220	Điều khiển cấp xả nước, 2 mức ON-OFF	901.000	
	61F-G1-AP AC110/220	Điều khiển cấp xả nước, 2 mức ON-OFF, Alarm min	1.646.000	
	61F-G2 AC110/220	Điều khiển cấp xả nước, 2 mức ON-OFF, Alarm max	2.436.000	
	61F-G3 AC110/220	Điều khiển cấp xả nước, 2 mức ON-OFF, Alarm max, min	4.179.000	
	61F-G4 AC110/220	Điều khiển cấp xả nước, 2 mức ON-OFF, Alarm max, min	6.720.000	
	61F-GP-N AC220	Điều khiển cấp xả nước, 2 mức ON-OFF (đến 11P)	1.296.000	
	BS-1	Bộ giữ điện cực dùng nhiệt độ và áp suất cao	693.000	
	PS-3S-AP	Bộ giữ điện cực (3 cực)	347.000	
	PS-5S	Bộ giữ điện cực (5 cực)	573.000	
	F03-12	Kẹp đàn hồi (Kẹp bộ giữ điện cực vào thành bồn)	238.000	
	F03-60 SUS304 1m	Điện cực 1m, (đai ốc, khớp nối, điện cực) chất liệu SUS304	171.000	
	F03-14 3P	Sứ tách điện cực (3 cực)	76.000	
	F03-14 5P	Sứ tách điện cực (5 cực)	85.000	

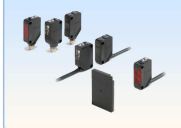
BẢNG GIÁ THIẾT BỊ OMRON THÔNG DỤNG

(Áp dụng từ ngày 01-07-2012 - Giá có thể thay đổi mà không báo trước)(giá chưa bao gồm VAT)

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Bảng giá	Ghi chú
Bộ điều khiển lập trình PLC (tối đa: 160 I/O)				
	CPM1A-10CDR-A-V1	6 Input DC, 4 Output Relay, 100-240VAC	8.463.000	
	CPM1A-20CDR-A-V1	12 Input DC, 8 Output Relay, 100-240VAC	11.340.000	
	CPM1A-30CDR-A-V1	18 Input DC, 12 Output Relay, 100-240VAC	14.742.000	
	CPM1A-40CDR-A-V1	24 Input DC, 16 Output Relay, 100-240VAC	18.165.000	
	CPM1A-20EDR1	Module mở rộng, 12 input DC, 8 Output Relay	8.043.000	
	CPM1A-40EDR	Module mở rộng, 24 input DC, 16 Output Relay	12.684.000	
	CPM1-CIF01	Module giao tiếp RS-232 nối với máy tính	5.376.000	
	C500-BA08	Pin nuôi bộ nhớ PLC 3,6V	1.455.000	
	C200H-BAT09	Pin nuôi bộ nhớ PLC 3,0V	1.046.000	
Bộ điều khiển lập trình đa năng (tối đa 180 I/O) Loại Mới (Dùng thay thế PLC CPM2A) (New)				
	CP1L-L14DR-A	8 Input DC, 6 Output Relay, nguồn cấp 100-240VAC	7.161.000	
	CP1L-L20DR-A	12 Input DC, 8 Output Relay, nguồn cấp 100-240VAC	8.274.000	
	CP1L-L30DR-A	18 Input DC, 12 Output Relay, nguồn cấp 100-240VAC	10.773.000	
	CP1L-L40DR-A	24 Input DC, 16 Output Relay, nguồn cấp 100-240VAC	13.272.000	
	CP1H-X40DR-A	24 Input DC, 16 Output Relay, nguồn cấp 100-240VAC	17.136.000	
	CP1H-XA40DR-A	24 Input DC, 16 Output Relay, 4 Analog in, 2 Analog out	25.011.000	
	CP1W-20EDR1	Module mở rộng, 12 input DC, 8 Output Relay	5.775.000	
	CP1W-40EDR	Module mở rộng, 24 input DC, 16 Output Relay	9.261.000	
	CP1W-CIF01	Module truyền thông RS-232	1.315.000	
	CP1W-CIF11	Module truyền thông RS-485	1.315.000	
Bộ điều khiển lập trình loại mới, giá kinh tế (Dùng thay thế PLC CPM1A/CPM2A)				
	CP1E-E20DR-A	12 Input DC, 8 Output Relay, nguồn 100-240VAC, bộ nhớ 2K step	6.531.000	
	CP1E-E30DR-A	18 Input DC, 12 Output Relay, nguồn 100-240VAC, bộ nhớ 2K step	8.967.000	
	CP1E-E40DR-A	24 Input DC, 16 Output Relay, nguồn 100-240VAC, bộ nhớ 2K step	10.752.000	
	CP1E-N20DR-A	12 Input DC, 8 Output Relay, nguồn 100-240VAC, bộ nhớ 8K step	8.631.000	
	CP1E-N30DR-A	18 Input DC, 12 Output Relay, nguồn 100-240VAC, bộ nhớ 8K step	11.067.000	
	CP1E-N40DR-A	24 Input DC, 16 Output Relay, nguồn 100-240VAC, bộ nhớ 8K step	12.852.000	
Cảm biến từ, hình trụ, vỏ kim loại, giá kinh tế				
	E2A-M12KS04-WP-B1 2M	Φ12mm, KC 4mm, 12-24VDC, 3 dây PNP-NO (shield)	563.000	
	E2A-M12KS04-WP-C1 2M	Φ12mm, KC 4mm, 12-24VDC, 3 dây NPN-NO (shield)	563.000	
	E2A-M12KN08-WP-B1 2M	Φ12mm, KC 8mm, 12-24VDC, 3 dây PNP-NO (unshield)	569.000	
	E2A-M12KN08-WP-C1 2M	Φ12mm, KC 8mm, 12-24VDC, 3 dây NPN-NO (unshield)	569.000	
	E2A-M18KS08-WP-B1 2M	Φ18mm, KC 8mm, 12-24VDC, 3 dây PNP-NO (shield)	672.000	
	E2A-M18KS08-WP-C1 2M	Φ18mm, KC 8mm, 12-24VDC, 3 dây NPN-NO (shield)	672.000	
	E2A-M18KN16-WP-B1 2M	Φ18mm, KC 6mm, 12-24VDC, 3 dây PNP-NO (unshield)	664.000	
	E2A-M18KN16-WP-C1 2M	Φ18mm, KC 16mm, 12-24VDC, 3 dây NPN-NO (unshield)	664.000	
	E2A-M30KS15-WP-B1 2M	Φ30mm, KC 15mm, 12-24VDC, 3 dây PNP-NO (shield)	905.000	
	E2A-M30KS15-WP-C1 2M	Φ30mm, KC 15mm, 12-24VDC, 3 dây NPN-NO (shield)	905.000	
	E2A-M30KN20-WP-C1 2M	Φ30mm, KC 20mm, 12-24VDC, 3 dây PNP-NO (unshield)	884.000	
	E2A-M30KN20-WP-C1 2M	Φ30mm, KC 20mm, 12-24VDC, 3 dây NPN-NO (unshield)	884.000	
Cảm biến từ, hình khối, vỏ nhựa				
	TL-W3MC1 2M	KC 3mm, 12-24VDC, 3 dây NPN-NO	811.000	
	TL-W5MC1 2M	KC 5mm, 12-24VDC, 3 dây NPN-NO	678.000	
	TL-Q5MC1 2M	KC 5mm, 12-24VDC, 3 dây NPN-NO	544.000	
	TL-N10ME1 2M	KC 10mm, 12-24VDC, 3 dây NPN-NO	1.157.000	
Cảm biến điện dung, phát hiện tất cả vật thể				
	E2K-C25ME1 2M	Φ34mm, KC 25mm, 10-40VDC, 3 dây NPN-NO	2.310.000	
	E2K-C25MF1 2M	Φ34mm, KC 25mm, 10-40VDC, 3 dây PNP-NO	2.331.000	

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ OMRON THÔNG DỤNG

(Áp dụng từ ngày 01-07-2012 - Giá có thể thay đổi mà không báo trước)(giá chưa bao gồm VAT)

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Bảng giá	Ghi chú
Cảm biến quang, hình trụ, vỏ nhựa, Ø18mm				
	E3F3-D11 2M OMC	Thu phát chung KC 10cm, 12-24VDC NPN-NO	813.000	
	E3F3-D31 2M OMC	Thu phát chung KC 10cm, 12-24VDC PNP-NO	813.000	
	E3F3-D12 2M OMC	Thu phát chung KC 30cm, 12-24VDC NPN-NO	830.000	
	E3F3-D32 2M OMC	Thu phát chung KC 30cm, 12-24VDC PNP-NO	830.000	
	E3F3-R61 2M OMC	Phản xạ gương KC 2m, 12-24VDC NPN-NO	924.000	
	E3F3-R81 2M OMC	Phản xạ gương KC 2m, 12-24VDC PNP-NO	924.000	
	E3F3-T61 2M OMC	Thu phát riêng KC 5m, 12-24VDC NPN-NO	1.199.000	
	E3F3-T81 2M OMC	Thu phát riêng KC 5m, 12-24VDC PNP-NO	1.199.000	
Cảm biến quang, dải điện áp rộng: 12-240VDC, 24-240VAC				
	E3JK-5M1-N 2M	Thu phát riêng KC 5m, Out: relay-NO	2.436.000	
	E3JK-5M2-N 2M	Thu phát riêng KC 5m, Out: relay-NC	2.415.000	
	E3JK-DS30M1 2M	Thu phát chung KC 30m, Out: relay-NO	1.680.000	
	E3JK-DS30M2 2M	Thu phát chung KC 30m, Out: relay-NC	1.682.000	
	E3JK-R2M2 2M	Phản xạ gương KC 2,5m, Out: relay-NC (chống vật thể bóng)	1.810.000	
	E3JK-R4M2 2M	Phản xạ gương KC 4m, Out: relay-NC (chống vật thể bóng)	1.787.000	
Cảm biến quang, thông dụng, dải điện áp rộng: 12-240VDC, 24-240VAC				
	E3JM-10M4-G-N	Thu phát riêng KC 10m, Out relay NO-NC	2.940.000	
	E3JM-DS70M4-G	Thu phát chung KC 70cm, Out relay NO-NC (ON/OFF delay)	1.859.000	
	E3JM-DS70M4T-G	Thu phát chung KC 70cm, Out relay NO-NC có timer (ON/OFF delay)	2.184.000	
	E3JM-R4M4-G	Phản xạ gương KC 4m, Out relay NO-NC	2.184.000	
	E3JM-R4M4T-G	Phản xạ gương KC 4m, Out relay NO-NC có timer (ON/OFF delay)	2.352.000	
Cảm biến quang loại nhỏ, thông dụng, điện áp 12-24VDC, IP67				
	E3Z-D61 2M	Thu phát chung KC 10cm, Out Transistor NPN	1.936.000	
	E3Z-D62 2M	Thu phát chung KC 1m, Out Transistor NPN	1.936.000	
	E3Z-D81 2M	Thu phát chung KC 10cm, Out Transistor PNP	1.901.000	
	E3Z-D82 2M	Thu phát chung KC 1m, Out Transistor PNP	2.016.000	
	E3Z-R61 2M	Phản xạ gương KC 4m, Out Transistor NPN	1.779.000	
	E3Z-R81 2M	Phản xạ gương KC 4m, Out Transistor PNP	1.764.000	
	E3Z-T61 2M	Thu phát riêng KC 15m, Out Transistor NPN	2.289.000	
	E3Z-T1 2M	Thu phát riêng KC 15m, Out Transistor PNP	2.457.000	
Cảm biến quang, dùng cáp quang, điện áp 10-30VDC				
	E32-DC200	Dây cáp quang dài 2m, loại thu phát chung	624.000	
	E32-TC200 2M	Dây cáp quang dài 2m, loại thu phát riêng	745.000	
	E3X-DA11-S 2M	Cảm biến quang hiển thị 2 hàng số, dễ điều chỉnh	3.885.000	
	E3X-DAC11-S 2M	Cảm biến cáp quang màu RGB, chỉnh digital, ngõ ra NPN	5.754.000	
	E3X-NA11 2M	Cảm biến dùng cáp quang, chỉnh analog, ngõ ra NPN	2.247.000	
	E3X-NA41 2M	Cảm biến dùng cáp quang, chỉnh analog, ngõ ra NPN	2.268.000	
Cảm biến nhiệt độ				
 	E52-CA1D M6 2M	Thermocouple, nhỏ, có ren gắn M6, dây dài 2m	785.000	
	E52MY-CA6D D4.7mm SUS316 2M	Thermocouple, dài 100mm, Ø4.7mm, dây dài 2m	468.000	
	E52MY-CA15D D4.7mm SUS316 2M	Thermocouple, dài 150mm, Ø4.7mm, dây dài 2m	525.000	
	E52MY-CA10C D6.3mm SUS316	Thermocouple, dài 100mm, Ø6.3mm, (dạng củ hành)	1.325.000	
	E52MY-CA20C D6.3mm SUS316	Thermocouple, dài 200mm, Ø6.3mm, (dạng củ hành)	1.457.000	
	E52MY-CA30C D6.3mm SUS316	Thermocouple, dài 300mm, Ø6.3mm, (dạng củ hành)	1.628.000	
	E52MY-PT10C D6.3mm SUS316	Pt 100, dài 100mm, Ø6.3mm (dạng củ hành)	1.787.000	
	E52MY-PT15C D6.3mm SUS316	Pt 100, dài 150mm, Ø6.3mm (dạng củ hành)	1.850.000	
	E52MY-PT20C D6.3mm SUS316	Pt 100, dài 200mm, Ø6.3mm (dạng củ hành)	1.896.000	
	E52MY-PT30C D6.3mm SUS316	Pt 100, dài 300mm, Ø6.3mm (dạng củ hành)	2.079.000	

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ OMRON THÔNG DỤNG

(Áp dụng từ ngày 01-07-2012 - Giá có thể thay đổi mà không báo trước)(giá chưa bao gồm VAT)

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Bảng giá	Ghi chú
Bộ điều khiển nhiệt độ				
 	E5CSL-RTC AC100-240	Loại kinh tế, size 48x48, PID, ON-OFF, đầu vào can nhiệt loại K, ngõ ra relay, 01 dòng hiển thị	1.306.000	
	E5WL-R1TC AC100-240	Loại kinh tế, size 48x48, PID, ON-OFF, đầu vào can nhiệt loại K, ngõ ra relay, 2 dòng hiển thị, 1 ngõ Alarm	1.306.000	
	E5CZ-R2T (Relay) NEW E5CZ-Q2T (Volt for SSR) NEW	Ngõ vào multi: Pt100, Thermocouple, size 48x48, điều khiển ON/OFF hoặc PID, 2 alarm, 2 dòng hiển thị, không gắn được các board option (NEW)	1.926.000	
	E5CZ-R2MT AC100-240 (Relay)	Ngõ vào Pt100, Thermocouple, size 48x48, điều khiển ON/OFF hoặc PID, ngõ ra relay, 2 alarm, 2 dòng hiển thị, có thể gắn các board option cho thiết bị	2.604.000	
	E5CZ-Q2MT AC100-240 (Transistor)		2.604.000	
	E5CZ-C2MT AC100-240 (Current)	Ngõ vào Pt100, Thermocouple, Analog, size 48x48, điều khiển ON/OFF hoặc PID, ngõ ra relay, 2 alarm, 2 dòng hiển thị	3.234.000	
	E5CZ-C2MI AC100-240 (Current)		3.444.000	
	E5EZ-R3T AC100-240 (Relay)	Ngõ vào Pt100, Thermocouple, size 48x48, điều khiển ON/OFF hoặc PID, ngõ ra relay, 3 alarm, 2 dòng hiển thị	2.919.000	
	E5EZ-Q3T AC100-240 (Transistor)		2.898.000	
	E5AZ-R3T AC100-240 (Relay)	Ngõ vào Pt100, Thermocouple, size 96x96, điều khiển ON/OFF hoặc PID, ngõ ra relay, 3 alarm, 2 dòng hiển thị	3.150.000	
	E5AZ-Q3T AC100-240 (Transistor)		3.192.000	
Timer (Bộ định thời), size 48x48				
 	H3CR-A AC100-240/DC100-125	Đa chức năng, 11 chân tròn, thời gian: 0,5s~300h	1.094.000	
	H3CR-A AC24-48/DC12-48	Đa chức năng, 11 chân tròn, thời gian: 0,5s~300h	1.174.000	
	H3CR-A8 AC100-240/DC100-125	Đa chức năng, 08 chân tròn, thời gian: 0,5s~300h	1.016.000	
	H3CR-A8E AC100-240	Đa chức năng, 08 chân tròn, có tiếp điểm relay (tác động nhanh)	1.415.000	
	H3CR-F8N AC100-240	Loại 2 kim, đóng mở theo chu kỳ ON/OFF riêng biệt	2.083.000	
	H3CR-G8EL AC200-240	Chuyển Sao-Tam giác	1.674.000	
	H3CR-H8L AC200-240 M	Tắt trễ sau khi tắt nguồn cấp - Power Off delay (phút)	1.777.000	
	H3CR-H8L AC200-240 S	Tắt trễ sau khi tắt nguồn cấp - Power Off delay (giây)	1.770.000	
	H3CA-8 AC200/240	On delay, 8 chân tròn, thời gian: 0,1s-9,99h, LCD display	1.699.000	
Timer số, size 48x48, đa chức năng				
	H5CX-A-N AC100-240	Đa chức năng, hiển thị số, 6 số, size 48x48,	3.843.000	
	H5CX-L8-N AC100-240	Đa chức năng, hiển thị số, 4 số, size 48x48 (đế 8 chân tròn)	3.318.000	
	H5CZ-L8 AC100-240 (Low cost)	Đa chức năng, 4 số, size 48x48, đế 8 chân tròn (New)	1.672.000	
Timer (Bộ định thời), size 36x36, giá thành kinh tế				
 	H3JA-8A AC200-240 (10S)	ON delay, 1 cặp tiếp điểm, thời gian 0-10 giây	407.000	
	H3JA-8A AC200-240 (30M)	ON delay, 1 cặp tiếp điểm, thời gian 0-30 phút	416.000	
	H3JA-8A AC200-240 (30S)	ON delay, 1 cặp tiếp điểm, thời gian 0-30 giây	407.000	
	H3JA-8A AC200-240 (60S)	ON delay, 1 cặp tiếp điểm, thời gian 0-60 giây	416.000	
	Loại 2 cặp tiếp điểm			
	H3JA-8A AC200-240 (10S)	ON delay, 2 cặp tiếp điểm, thời gian 0-10 giây	473.000	
	H3JA-8A AC200-240 (30M)	ON delay, 2 cặp tiếp điểm, thời gian 0-30 phút	473.000	
	H3JA-8A AC200-240 (30S)	ON delay, 2 cặp tiếp điểm, thời gian 0-30 giây	458.000	
	H3JA-8A AC200-240 (60M)	ON delay, 2 cặp tiếp điểm, thời gian 0-60 phút	473.000	
	H3JA-8A AC200-240 (60S)	ON delay, 2 cặp tiếp điểm, thời gian 0-60 giây	473.000	
Bộ mã hóa xung vòng quay (Rotary Encoder), điện áp cấp 2 - 24VDC				
	E6A2-CW5C 360P/R 0.5M	Incremental Encoder 360 xung/vòng, trục 4mm, φ25mm	2.940.000	
	E6B2-CWZ6C 1000P/R 2M	Incremental Encoder 1.000 xung/vòng, trục 6mm, φ40mm	4.053.000	
	E6B2-CWZ6C 2000P/R 2M	Incremental Encoder 2.000 xung/vòng, trục 6mm, φ40mm	4.158.000	
	E6B2-CWZ6C 360P/R 2M	Incremental Encoder 360 xung/vòng, trục 6mm, φ40mm	3.570.000	
	E6CP-AG5C 256 2M	Absolute Encoder 256 step (8 bit), trục 6mm, φ60mm	3.360.000	
	E6C3-AG5C 360P/R 1M	Absolute Encoder 256 step (9 bit), trục 8mm, φ60mm	8.400.000	

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ OMRON THÔNG DỤNG

(Áp dụng từ ngày 01-07-2012 - Giá có thể thay đổi mà không báo trước)(giá chưa bao gồm VAT)

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Bảng giá	Ghi chú
Bộ đếm hiển thị số				
	H7CX-A-N	LED 7 đoạn, size 48x48, đa năng, 6 chữ số, 1 Out relay	4.494.000	
	H7CX-AW-N	LED 7 đoạn, size 48x48, đa năng, 6 chữ số, 2 Out relay	5.586.000	
	H7CZ-L8 (Low cost)	LED 7 đoạn, size 48x48, đa năng, 6 chữ số, 1 Out relay (new)	1.592.000	
	H73C-N	Đếm tổng, hiển thị LCD 8 số, có pin, size 12x24, đầu vào không điện áp (đếm sản phẩm)	1.151.000	
	H7ET-N	Đếm thời gian, LCD 7 số, có sẵn nguồn nuôi, đầu vào không điện áp, dải thời gian 999999,9 giờ ↔ 3.999 ngày 23,9 giờ (Thời gian chạy máy)	1.376.000	
	H73T-NFV	Đếm thời gian, LCD 7 số, có sẵn nguồn nuôi, đầu vào đa điện áp AC/DC, dải thời gian: 999999,9 giờ ↔ 3.999 ngày 23,9 giờ (chuyển được) (Thời gian chạy máy)	1.913.000	
Bộ hiển thị và xử lý tín hiệu số				
 	K33-B	Board nguồn 10VDC của bộ chỉ thị K3HB	1.092.000	
	K33-L1A	Board ngõ ra 4-20mA của bộ chỉ thị K3HB	4.326.000	
	K33-L2A	Board ngõ ra 0-10VDC của bộ chỉ thị K3HB	4.326.000	
	K34-C1	Board ngõ ra 2 Relay của bộ chỉ thị K3HB	1.441.000	
	K34-C2	Board ngõ ra 4 Relay của bộ chỉ thị K3HB	1.800.000	
	K35-1	Board Event (hold, zero, reset,...) của bộ chỉ thị K3HB	1.260.000	
	K3HB-VLC 100-240VAC	Đầu cân điện tử, dùng với Loadcell	8.547.000	
	K3MA-J-A2 100-240VAC	Bộ hiển thị số ngõ vào analog: dòng 4-20ma, áp 0-10vdc,...	3.927.000	
	K3MA-F-A2 100-240VAC	Bộ hiển thị xung đếm (số lượng, tần số)	4.662.000	
	K3MA-L-C 100-240VAC	Bộ hiển thị nhiệt độ, có 2 ngõ ra Relay	3.927.000	
Relay theo dõi và bảo vệ				
	K8AB-PM2 380/480VAC	Relay bảo vệ mất pha, thứ tự pha, quá áp, thấp áp....	2.625.000	
	K8AB-PH1-L 200/500VAC	Relay bảo vệ mất pha, thứ tự pha. 1 SPDT relay	683.000	
Relay bán dẫn, dùng đóng ngắt nhiệt điện trở nhiệt				
	G3NA-220B DC 5-24	Tải: 24-240V 20A, điện áp kích: 5-24VDC	531.000	
	G3NA-240B DC 5-24	Tải: 24-240V 40A, điện áp kích: 5-24VDC	1.002.000	
	G4Q-212S AC220	Relay luân phiên (Latching relay)	1.138.000	
Relay trung gian (Relay kiểm) 10A				
 	LY2N DC12	8 chân, 2 cặp tiếp điểm 10A	122.000	
	LY2N AC100/110	8 chân, 2 cặp tiếp điểm 10A, có đèn hiển thị	122.000	
	LY2N DC24	8 chân, 2 cặp tiếp điểm 10A, có đèn hiển thị	123.000	
	LY2N AC220/240	8 chân, 2 cặp tiếp điểm 10A, có đèn hiển thị	134.000	
	LY4N DC12	14 chân, 4 cặp tiếp điểm 10A	218.000	
	LY4N DC24	14 chân, 4 cặp tiếp điểm 10A	218.000	
	LY4N AC100/110	14 chân, 4 cặp tiếp điểm 10A, có đèn hiển thị	218.000	
	LY4N AC200/240	14 chân, 4 cặp tiếp điểm 10A, có đèn hiển thị	237.000	
	MKS2P AC110	8 chân tròn, 2 cặp tiếp điểm 10A	130.000	
	MKS2P AC220	8 chân tròn, 2 cặp tiếp điểm 10A	136.000	
	MKS2P DC24	8 chân tròn, 2 cặp tiếp điểm 10A	130.000	
	MKS3P AC110	11 chân tròn, 3 cặp tiếp điểm 10A	149.000	
	MKS3P AC220	11 chân tròn, 3 cặp tiếp điểm 10A	155.000	
	KS3P DC24	11 chân tròn, 3 cặp tiếp điểm 10A	147.000	
Relay trung gian (Relay kiểm) 5A				
	MY2N AC24	8 chân, 2 cặp tiếp điểm 5A, có đèn hiển thị	84.000	
	MY2N AC100/110	8 chân, 2 cặp tiếp điểm 5A, có đèn hiển thị	86.000	
	MY2N AC220/240	8 chân, 2 cặp tiếp điểm 5A, có đèn hiển thị	83.000	
	MY2N DC12	8 chân, 2 cặp tiếp điểm 5A, có đèn hiển thị	84.000	
	MY2N DC24	8 chân, 2 cặp tiếp điểm 5A, có đèn hiển thị	79.000	
	MY4N AC24	14 chân, 4 cặp tiếp điểm 5A, có đèn hiển thị	98.000	
	MY4N AC100/110	14 chân, 4 cặp tiếp điểm 5A, có đèn hiển thị	101.000	
	MY4N AC220/240	14 chân, 4 cặp tiếp điểm 5A, có đèn hiển thị	93.000	
	MY4N DC12	14 chân, 4 cặp tiếp điểm 5A, có đèn hiển thị	98.000	
	MY4N DC24	14 chân, 4 cặp tiếp điểm 5A, có đèn hiển thị	86.000	

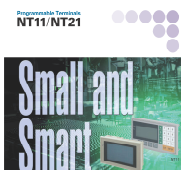
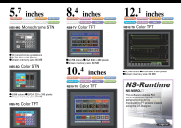
BẢNG GIÁ THIẾT BỊ OMRON THÔNG DỤNG

(Áp dụng từ ngày 01-07-2012 - Giá có thể thay đổi mà không báo trước)(giá chưa bao gồm VAT)

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Bảng giá	Ghi chú
Để cắm cho Timer và Relay				
	PF083A-E	để 08 chân tròn cho relay MKS2P, timer H3CR-A8, H3JA-8	45.000	
	PF113A-E	để 11 chân tròn cho relay MKS3P, timer H3CR-A	61.000	
	PTF08A-E	để 08 chân, cho relay LY2	78.000	
	PTF14A-E	để 14 chân, cho relay LY4	131.000	
	PYF08A-N	để 08 chân, cho relay MY2, H3Y-2	47.000	
	PYF14A-N	để 14 chân, cho relay MY4, H3Y-4	66.000	
Bộ nguồn, bảo vệ chống quá tải, lọc nhiễu				
 	LOẠI TIÊU CHUẨN			
	S8JX-G05012CD	Vỏ sắt, ngõ ra 12VDC, 4.2A, nguồn 100-240V	1.007.900	
	S8JX-G10012CD	Vỏ sắt, ngõ ra 12VDC, 8.5A, nguồn 100-240V	1.541.000	
	S8JX-G05024CD	Vỏ sắt, ngõ ra 24VDC, 2.1A, nguồn 100-240V	1.075.000	
	S8JX-G10024CD	Vỏ sắt, ngõ ra 24VDC, 4.2A, nguồn 100-240V	1.516.000	
	S8JX-G15024CD	Vỏ sắt, ngõ ra 24VDC, 6.5A, nguồn 100-240V	1.833.000	
	S8JX-G30024CD	Vỏ sắt, ngõ ra 24VDC, 14A, nguồn 100-240V	4.032.000	
	S8JX-G60024CD	Vỏ sắt, ngõ ra 24VDC, 27A, nguồn 100-240V	6.195.000	
	LOẠI KINH TẾ			
	S8JC-Z03512CD	Vỏ sắt, ngõ ra 12VDC, 3A, nguồn 200-240V (New)	462.000	
	S8JC-Z05024CD	Vỏ sắt, ngõ ra 24VDC, 2.1A, nguồn 200-240V (New)	554.000	
	S8JC-Z10024CD	Vỏ sắt, ngõ ra 24VDC, 4.2A, nguồn 200-240V (New)	651.000	
	S8JC-Z15024CD	Vỏ sắt, ngõ ra 24VDC, 6.5A, nguồn 200-240V (New)	1.054.000	
	LOẠI CAO CẤP			
	S8VE-06024	Vỏ nhựa, ngõ ra 24VDC, 2.5A, gắn thanh rail, nguồn 100-240VAC	1.733.000	
	S8VE-12024	Vỏ nhựa, ngõ ra 24VDC, 5.0A, gắn thanh rail, nguồn 100-240VAC	2.919.000	
	S8VE-24024	Vỏ nhựa, ngõ ra 24VDC, 10A, gắn thanh rail, nguồn 100-240VAC	4.956.000	
Công tắc hành trình				
  	D4V-8104Z	Loại kinh tế, thân nhỏ 64x27.8x25.4, IP 65, cần ngắn, bánh xe	628.000	
	D4V-8108Z	Loại kinh tế, thân nhỏ 64x27.8x25.4, IP 65, cần dài, bánh xe	649.000	
	D4V-8112Z	Loại kinh tế, thân nhỏ 64x27.8x25.4, IP 65, bánh xe tác động thẳng đứng	546.000	
	D4V-8166Z	Loại kinh tế, thân nhỏ 64x27.8x25.4, cần lò xo, IP 65	548.000	
	HL-5030	Cần dài có bánh xe, góc mở 90, chịu dầu nước, thân nhỏ	802.000	
	HL-5000	Cần ngắn có bánh xe, góc mở 90, chịu dầu nước, thân nhỏ	737.000	
	WLCA12 WITH PARTS	Cần dài có bánh xe, góc mở 45, chịu dầu nước, thân lớn	1.090.000	
	WLCA12-2N WITH PARTS	Cần dài có bánh xe, góc mở 90, chịu dầu nước, thân lớn	1.252.000	
	WLCA2 WITH PARTS	Cần ngắn có bánh xe, góc mở 45, chịu dầu nước, thân lớn	998.000	
	WLCA2-2N WITH PARTS	Cần ngắn có bánh xe, góc mở 90, chịu dầu nước, thân lớn	1.245.000	
	WLNJ WITH PARTS	Cần lò xo dài, chịu dầu nước	876.000	
	WLD2 WITH PARTS	Bánh xe tác động thẳng đứng, chịu dầu nước, thân lớn	991.000	
	Z-15GQ22-B	Panel gắn chốt đẩy có bánh xe, đầu nối vít, 250VAC, 15A	312.000	
	Z-15GW22-B	Cần có bánh xe và bản lề ngắn, đầu nối vít, 250VAC, 15A	167.000	
	Z-15GW2-B	Cần có bánh xe và bản lề dài, đầu nối vít, 250VAC, 15A	184.000	
	Z-15HW78-B	Cần có bản lề tải nhỏ, vị trí làm việc thấp, đầu nối vít, độ nhạy cao	251.000	

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ OMRON THÔNG DỤNG

(Áp dụng từ ngày 01-07-2012 - Giá có thể thay đổi mà không báo trước)(giá chưa bao gồm VAT)

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	Bảng giá	Ghi chú
Bộ điều khiển lập trình đơn giản, có bàn phím, màn hình và đồng hồ thời gian thực				
 	ZEN-10C1AR-A-V2	Nguồn 100-240V, 6 input AC, 4 ngõ ra relay 8A	3.780.000	
	ZEN-10C1DR-D-V2	Nguồn 12-24VDC, 6 input DC, 4 ngõ ra relay 8A	3.843.000	
	ZEN-10C3AR-A-V2	Nguồn 100-240V, 6 input AC, 4 ngõ ra relay 8A (ko mở rộng)	3.108.000	
	ZEN-10C3DR-D-V2	Nguồn 12-24VDC, 6 input DC, 4 ngõ ra relay 8A (ko mở rộng)	3.192.000	
	ZEN-20C1AR-A-V2	Nguồn 100-240V, 12 input AC, 8 ngõ ra relay 8A	5.040.000	
	ZEN-20C1DR-A-V2	Nguồn 12-24VDC, 12 input AC, 8 ngõ ra relay 8A	5.040.000	
	ZEN-20C3AR-A-V2	Nguồn 100-240V, 12 input AC, 8 ngõ ra relay 8A (ko mở rộng)	4.242.000	
	ZEN-20C3DR-D-V2	Nguồn 100-240V, 12 input AC, 8 ngõ ra relay 8A (ko mở rộng)	4.242.000	
	ZEN-8E1DR	Module mở rộng 4 input DC, 4 ngõ ra relay 8A	2.161.000	
	ZEN-8E1AR	Module mở rộng 4 input AC, 4 ngõ ra relay 8A	2.262.000	
	ZEN-CIF01	Cáp lập trình giao tiếp Computer	2.604.000	
	NT11-SF121B-EV1	LCD 100x40mm, có chiếu sáng nền, 4 dòng 20 ký tự, 4 phím điều khiển chức năng và bàn phím đặt số liệu, 250 trang màn hình, IP65. Có cổng nối máy in	12.306.000	
	NT21-ST121B-E	5,2", 260x140 dots, Monochrome STN, 3999 trang màn hình, Dung lượng nhớ chương trình: 512KB. Diện tích hiển thị thực: 117x63mm	19.824.000	
Màn hình cảm ứng. Truyền thông RS-232C/485/422A, Lập trình qua cổng USB, trao đổi truyền dữ liệu bằng thẻ nhớ USB tiện lợi. Chức năng bàn phím lập trình cho CP1L/H. Nhiều chức năng cao cấp				
 	NV3W-MR20	3,1", 128x64 pixels, STN color xanh lá, cam, đỏ. Giao tiếp tất cả các loại PLC, vỏ màu đen, IP65	6.720.000	
	NV4W-MR21	4,6", 320x120 pixels, STN color xanh lá, cam, đỏ. Giao tiếp tất cả các loại PLC vỏ màu đen, IP65	12.663.000	
	NP5-MQ000B	5,7", 320x240 pixels, Monochrome STN kết hợp với 3 phím chức năng, vỏ màu đen, IP65	16.527.000	
	NP5-MQ0001B	5,7", 320x240 pixels, Monochrome STN kết hợp với 6 phím chức năng, vỏ màu đen, IP65	16.527.000	
	NP5-SQ000B	5,7", 320x240 pixels, STN color, kết hợp với 3 phím chức năng, vỏ màu đen, IP65	21.105.000	
	NP5-SQ001B	5,7", 320x240 pixels, Monochrome STN kết hợp với 6 phím chức năng, vỏ màu đen, IP65	21.105.000	
Màn hình cảm ứng cao cấp. Tích hợp nhiều tính năng mới. Lập trình cổng USB, thẻ nhớ CF, chuyển đổi chương trình dễ dàng. Kết nối với PLC thông qua nhiều chuẩn mạng. Thư viện hình ảnh				
	NS5-SQ10B-ECV2	LCD 5,7", STN 320x240 pixels, 4,096 màu, vỏ đen, 60MB screen data capacity. Support CJ2 EtherNet/IP and Pict Bridge	25.200.000	
	NS10-TV01B-V2	LCD 10", TFT 640x480 pixels, 32.768 màu, vỏ đen, 60MB screen data capacity support CJ2 EtherNet/IP and Pict Bridge	74.886.000	